TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 29 - 11 - 2022
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán:+ Bà Hoàng Thị Thơ;

+ Ông Võ Thanh Bình

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Xin ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 131/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 07 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 287/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1995, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1992. (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo án sơ thẩm.*

Nguyên đơn - anh Trần Ngọc T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc C kết hôn năm năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Chị C đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống khoảng một năm nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc C.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Nguyễn Minh N, sinh ngày 02/11/2019. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị C nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng do anh và chị C thỏa thuận.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

Chị và anh Trần Ngọc T kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi chị sinh con thì anh T muốn ly hôn. Chị không đồng ý ly hôn vì muốn vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con. Bản thân chị cũng đã nghỉ việc để ở nhà chăm sóc con, nhưng gia đình anh T ngăn cấm không cho chị vô nhà, nên chị phải về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2020 đến nay. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T, chị không đồng ý.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Nguyễn Minh N, sinh ngày 02/11/2019. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 131/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 07 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang căn cứ các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Ngọc T.

-*Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Trần Ngọc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc C.

-*Về con chung:* Giao con chung là cháu Trần Nguyễn Minh N, sinh ngày 02/11/2019 cho chị Nguyễn Thị Ngọc C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Buộc anh Trần Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Trần Ngọc T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

* Ngày 15/07/2022, chị Nguyễn Thị Ngọc C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết:

-Về hôn nhân: Chị C không đồng ý ly hôn với anh T.

-Về cấp dưỡng: Chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị C thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Chị đồng ý ly hôn với anh T và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Đề nghị hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Anh T thống nhất thuận tình ly hôn với chị C và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung của anh chị đủ 18 tuổi. Đề nghị hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị C, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị C; Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung của anh chị đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân:

Anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị Ngọc C chung sống vợ chồng từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên anh T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với chị C, được Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy giải quyết bằng bản án hôn nhân sơ thẩm số 167/2020/HNGĐ-ST ngày 25/12/2020, xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc xin ly hôn với chị C.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh T có đơn kháng cáo. Bản án hôn nhân phúc thẩm số 29/2021/HNGĐ-PT ngày 07/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm c khoản 10 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23 tháng 12 năm 2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định : "....đối với người có đơn yêu cầu xin ly hôn mà bị Tòa án bác đơn xin ly hôn thì sau một năm kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án bác đơn xin ly hôn có hiệu lực pháp luật người đó mới lại được yêu cầu Tòa án giải quyết việc xin ly hôn". Thế nhưng, vào ngày 05/4/2022 Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy đã thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T đối với chị C và quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán không thu thập bản án phúc thẩm đã xử trước đó để làm căn cứ thụ lý, giải quyết vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm anh T cương quyết xin ly hôn với chị C và chị C

cũng thống nhất thuận tình ly hôn với anh C. Xét việc thuận tình ly hôn giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được ghi nhận.

[2]. Về cấp dưỡng nuôi con, xét thấy:

Theo chị C trình bày con chung của anh chị là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 02/11/2019, hiện do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ khi chị sinh cháu N đến nay, do anh T không chu cấp tiền bạc để chị nuôi con, nên chị phải vay mượn của nhiều người. Bản thân chị làm giáo viên hợp đồng, thu nhập thấp trong khi nhu cầu ăn, mặc, chữa bệnh của cháu N cao, nên chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng để chị vừa nuôi con, vừa trả nợ. Tuy nhiên anh T không thừa nhận lời trình bày của chị C mà chị C không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên yêu cầu của chị C chỉ được hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Xét, tại phiên tòa anh T trình bày bản thân anh không có việc làm và thu nhập ổn định, sống lệ thuộc kinh tế của cha mẹ, nên anh T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung của anh chị đủ 18 tuổi. Xét lời trình bày của anh T là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định như đã nêu trên, hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị C, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc C.

Sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 131/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 07 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Ngọc T

-Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Ngọc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc C.

-Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Nguyễn Minh N, sinh ngày 02/11/2019 cho chị Nguyễn Thị Ngọc C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Buộc anh Trần Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), bắt đầu thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổ, có khả năng lao động.

Anh Trần Ngọc T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ngọc C có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trần Ngọc T chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

-Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/- Về án phí: Anh Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001994 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên anh T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Chị Nguyễn Thị Ngọc C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) cho chị Nguyễn Thị Ngọc C theo biên lai thu số 0016468 ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy